

Số: KH1T-02/12h00/DBQG-DBKH

Hà Nội, ngày 11 tháng 01 năm 2026

**BẢN TIN DỰ BÁO KHÍ HẬU THỜI HẠN THÁNG
TRÊN PHẠM VI TOÀN QUỐC**
(từ 11/01-10/02/2026)

1. Phân tích, đánh giá thời tiết, khí hậu nổi bật từ ngày 11/12/2025-10/01/2026

+ ***Đông, lốc, sét***: Trên phạm vi toàn quốc ít xảy ra đông, lốc (*Bảng 2-Phụ lục*).

+ ***Không khí lạnh (KKL)***: Thời kỳ từ 11/12/2025 đến 10/01/2026 đã xảy ra 05 đợt KKL (ngày 03/12, ngày 13/12, đêm 24/12, đêm 01/01 và ngày 05/01). Trong đó, đợt KKL ngày 05/01/2026 đã gây gió tại trạm Bạch Long Vĩ mạnh cấp 7, giật cấp 8 và gây ra rét đậm, rét hại diện rộng cho các tỉnh Bắc Bộ trong các ngày 06-09/01; nhiệt độ thấp nhất phổ biến từ 8,0-11,0⁰C, vùng núi từ 5,0-7,0⁰C, vùng núi cao có nơi dưới 4,0⁰C; sương muối, băng giá cũng xảy ra tại một số nơi vùng núi phía Bắc.

+ ***Mưa diện rộng***: Khu vực Bắc Bộ xảy ra 02 đợt mưa, mưa rào vào ngày 12-13/12 và 02-6/01. Khu vực Trung Bộ, trong tháng 12, các tỉnh Huế-Đà Nẵng và phía Đông của Quảng Ngãi đến Đắk Lắk, Khánh Hòa liên tục có mưa; ngoài ra, trong ngày 13-14/12, ở khu vực có mưa diện rộng. Sang tháng 01, khu vực từ Hà Tĩnh-Đà Nẵng và phía Đông các tỉnh từ Quảng Ngãi-Đắk Lắk có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông trong các ngày 02-7/01. Khu vực Cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ trong 12 có mưa diện rộng trong các ngày 24-25/12, với tổng lượng mưa (TLM) phổ biến 10-30mm, có nơi cao hơn. Sang tháng 01, khu vực miền Tây Nam Bộ có mưa, mưa rào rải rác và có nơi có dông trong các ngày 06-07/01.

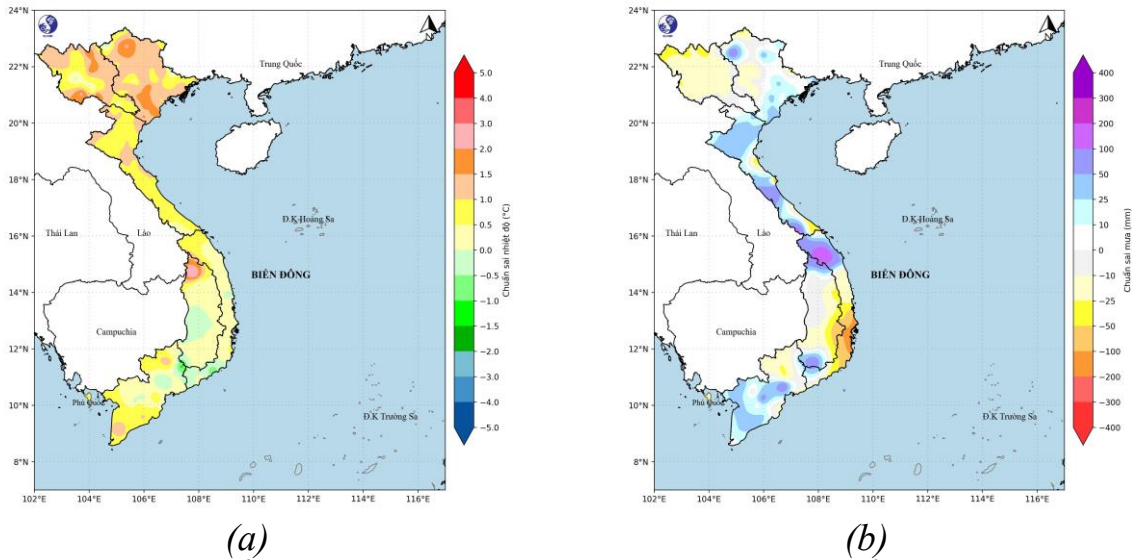
Trong các đợt mưa lớn đề cập ở trên, một số nơi đã ghi nhận được giá trị lượng mưa ngày vượt GTLS cùng thời kỳ (*Bảng 4 - Phụ lục*).

+ ***Nhiệt độ trung bình (NĐTB)***: NĐTB toàn quốc phổ biến cao hơn so với TBNN từ 0,5-1,0⁰C, đặc biệt, khu vực Bắc Bộ và Thanh Hóa đến Hà Tĩnh cao hơn từ 1,0-1,5⁰C, có nơi cao hơn (*Hình 1a*).

Trong tháng 12/2025 tại một số trạm đã ghi nhận nhiệt độ cao nhất ngày

đạt và vượt GTLS cùng thời kỳ (Bảng 3 - Phụ lục).

+ **Lượng mưa:** TLM hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ so với TBNN, riêng khu vực phía nam của Đồng bằng và các tỉnh Thanh Hóa-Đà Nẵng, phía Đông Quảng Ngãi cao hơn so với TBNN từ 30-50mm; khu vực Khánh Hòa và Lâm Đồng thấp hơn TBNN từ 30-60mm, có nơi thấp hơn (Hình 1b).

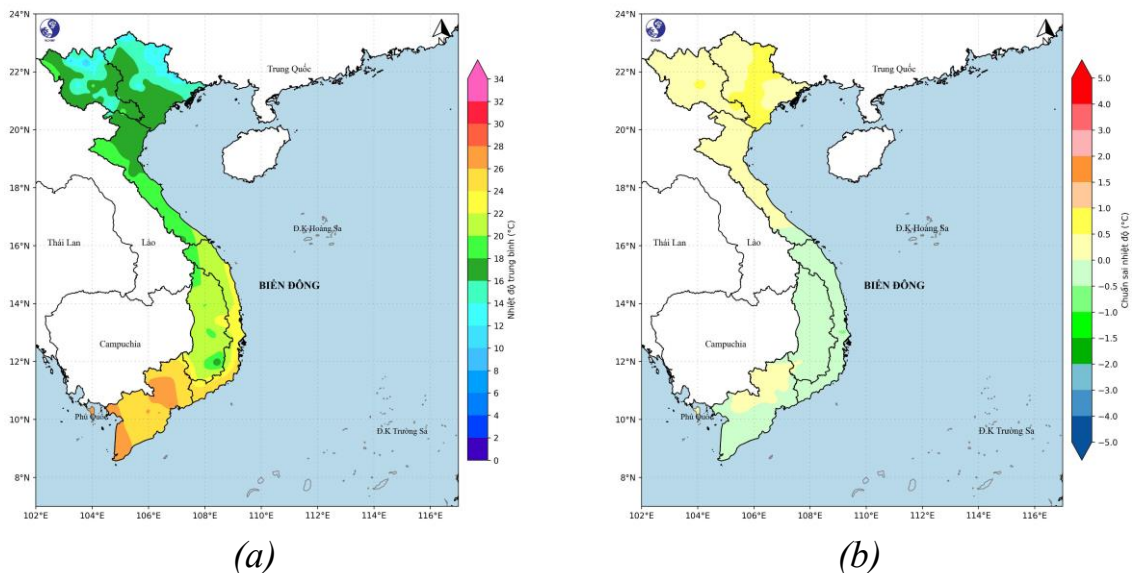


Hình 1: (a) Chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) và (b) Chuẩn sai lượng mưa (mm) từ ngày 11/12/2025-10/01/2026

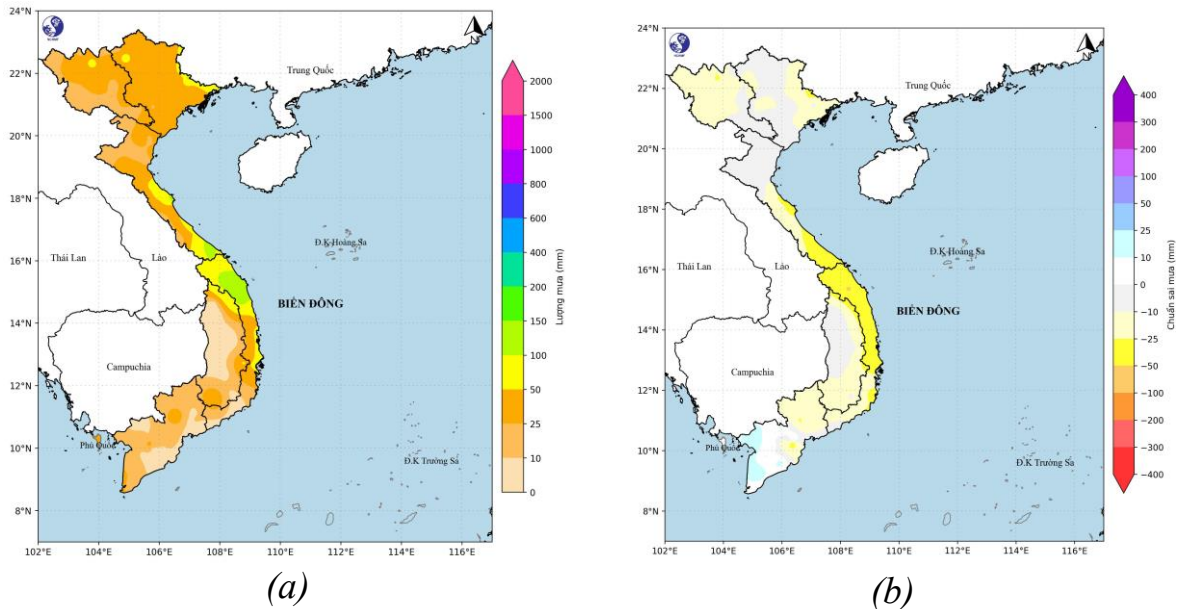
2. Dự báo xu thế khí hậu tháng từ 11/01-10/02/2026

2.1. Dự báo xu thế NĐTB

NĐTB tại hầu hết các khu vực trên cả nước phổ biến ở mức xấp xỉ, có nơi cao hơn $0,5-1,0^{\circ}\text{C}$ so với TBNN cùng thời kỳ (Hình 2b).



Hình 2: (a) Nhiệt độ TBNN ($^{\circ}\text{C}$) từ 11/01-10/02; (b) Dự báo chuẩn sai nhiệt độ trung bình ($^{\circ}\text{C}$) tháng từ 11/01-10/02/2026



Hình 3: (a) Tổng lượng mưa (mm) TBNN từ 11/01-10/02; (b) Dự báo chuẩn sai lượng mưa (mm) từ 11/01-10/02/2026

2.2. Dự báo xu thế lượng mưa

Trong thời kỳ dự báo, TLM cả nước phổ biến thấp hơn so với TBNN cùng thời kỳ. Khu vực Bắc Bộ, cao nguyên Trung Bộ và Nam Bộ phổ biến ít mưa. Riêng Thanh Hóa – Nghệ An phổ biến thấp hơn từ 10-15mm, khu vực Hà Tĩnh – Huế và Duyên hải Nam Trung Bộ thấp hơn từ 15-50mm so với TBNN cùng thời kỳ.

2.3. Cảnh báo thời tiết nguy hiểm

+ *Bão/ATNĐ*: Trên khu vực Biển Đông ít có khả năng xuất hiện bão/ATNĐ (TBNN: Trên Biển Đông là 0,2 cơn, đổ bộ vào đất liền Việt Nam là 0 cơn).

+ *Không khí lạnh, rét đậm-rét hại (RĐ-RH)*: KKL có khả năng hoạt động yếu hơn so với TBNN, tuy nhiên vẫn gây ra các đợt RĐ-RH ngắn ngày tại khu vực vùng núi phía Bắc và có thể kèm theo hiện tượng sương muối băng giá.

+ *Mưa diện rộng*: Tiếp tục xảy ra tại các khu vực Hà Tĩnh– Huế, duyên hải Nam Trung Bộ và phía Tây Nam Bộ.

+ Trên phạm vi cả nước, có khả năng xuất hiện các hiện tượng thời tiết nguy hiểm như dông, lốc, sét, mưa đá và gió giật mạnh.

2.4. Khả năng tác động đến môi trường, điều kiện sống, cơ sở hạ tầng, các hoạt động kinh tế-xã hội

KKL gây gió mạnh, sóng lớn trên biển và ảnh hưởng đến các hoạt động của tàu thuyền. Ngoài ra, cần đề phòng khả năng xảy ra những đợt RĐ- RH với

nhệt độ giảm mạnh, đặc biệt tại các khu vực vùng núi cao phía bắc có khả năng kèm theo hiện tượng sương muối, băng giá và sương mù.... Các hiện tượng đông, lở, sét có thể ảnh hưởng tiêu cực đến các hoạt động giao thông, sản xuất và sức khỏe cộng đồng.

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu, thời tiết, khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp với nhiều hình thái nguy hiểm, cực đoan. Do đó, đề nghị các cấp chính quyền và người dân thường xuyên cập nhật và tích hợp thông tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trong các bản tin ngắn hạn 1-3 ngày, để kịp thời điều chỉnh các kế hoạch sản xuất, phương án ứng phó phù hợp đảm bảo an toàn cho các hoạt động sản xuất và dân sinh.

3. Dự báo nhiệt độ trung bình, lượng mưa từ 11/01-10/02/2026

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 11-20/01		Thời kỳ 21-31/01		Thời kỳ 01-10/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Sơn La-Sơn La (Đài KTTV Bắc Bộ)	16,0-17,0	5-10	16,0-17,0	5-10	16,0-17,0	5-10	16,0-17,0	15-30
Lào Cai-Lào Cai (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	5-10	18,0-19,0	5-10	18,0-19,0	5-10	18,0-19,0	15-30
Lạng Sơn-Lạng Sơn (Đài KTTV Bắc Bộ)	14,0-15,0	5-10	14,0-15,0	5-10	14,0-15,0	5-10	14,0-15,0	15-30
Việt Trì-Phú Thọ (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	15-30
Hải Phòng-Tp. Hải Phòng (Đài KTTV Bắc Bộ)	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	5-10	17,0-18,0	15-30
Hà Đông-Tp. Hà Nội (Đài KTTV Bắc Bộ)	18,0-19,0	5-10	18,0-19,0	5-10	18,0-19,0	5-10	18,0-19,0	15-30
Vinh-Nghệ An (Đài KTTV Trung Bộ)	18,5-19,5	5-10	19,0-20,0	5-10	19,0-20,0	10-20	19,0-20,0	20-40
Huế-Tp. Huế (Đài KTTV Trung Bộ)	20,0-21,0	20-40	20,0-21,0	20-40	20,0-21,0	30-60	20,0-21,0	70-140
Kon Tum-Quảng Ngãi (Đài KTTV Trung Bộ)	21,0-22,0	<5	21,0-22,0	<5	21,0-22,0	<5	21,0-22,0	<10
Quy Nhơn-Gia Lai (Đài KTTV Trung Bộ)	23,5-24,5	5-10	23,5-24,5	5-10	23,5-24,5	10-20	23,5-24,5	20-40
Nha Trang- Khánh Hòa (Đài KTTV Trung Bộ)	24,0-25,0	5-10	24,0-25,0	5-10	24,0-25,0	10-20	24,0-25,0	20-40

Địa điểm dự báo (Các trạm khí tượng đặc trưng-Tỉnh/Tp-Đài KTTV Khu vực)	Thời kỳ 11-20/01		Thời kỳ 21-31/01		Thời kỳ 01-10/02		Cả thời kỳ	
	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)	Ttb (°C)	TLM (mm)
Buôn Ma Thuột-Đắk Lắk (Đài KTTV Trung Bộ)	21,0-22,0	<5	21,0-22,0	<5	21,5-22,5	<5	21,0-22,0	<10
Nhà Bè-Tp. Hồ Chí Minh (Đài KTTV Nam Bộ)	26,5-27,5	<5	26,5-27,5	<5	26,0-27,0	<5	26,5-27,5	<10
Cần Thơ-Tp. Cần Thơ (Đài KTTV Nam Bộ)	26,0-27,0	<5	26,5-27,5	<5	26,0-27,0	5-10	26,0-27,0	5-15

Ghi chú:

- Ttb: Giá trị nhiệt độ trung bình (đơn vị: độ C);
- R: Giá trị tổng lượng mưa (đơn vị: milimét);
- Chuẩn sai: Giá trị chênh lệch của nhiệt độ/lượng mưa so với TBNN (đơn vị: độ C/milimét);
- Tỷ chuẩn: Giá trị chênh lệch tương đối của lượng mưa so với TBNN (đơn vị: %),
- Các khu vực dự báo được điều chỉnh theo địa danh hành chính mới (Bảng 1 – Phụ lục)

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 21/01/2026

Tin phát lúc: 12h00 ngày 11/01/2026./.

Soát tin: Trần Quang Điệp

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG



Trần Thị Chúc

Phụ lục

Bảng 1: Các khu vực dự báo theo địa danh hành chính mới

STT	Khu vực	Gồm các tỉnh
1	Khu vực Tây Bắc Bộ	Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Lào Cai, khu vực phía Nam của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Hòa Bình cũ).
2	Khu vực Đông Bắc Bộ	Tuyên Quang, Cao Bằng, Thái Nguyên, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Tp. Hải Phòng, Bắc Ninh, Hưng Yên, Ninh Bình, Tp. Hà Nội; khu vực phía Bắc của tỉnh Phú Thọ (tỉnh Vĩnh Phúc và Phú Thọ cũ).
3	Khu vực Thanh Hóa-Huế	Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị, Tp. Huế.
4	Khu vực Duyên hải Nam Trung Bộ	Tp. Đà Nẵng, Khánh Hòa và ven biển các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
5	Khu vực Cao nguyên Trung Bộ	Phía Tây các tỉnh Quảng Ngãi, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng.
6	Khu vực Nam Bộ	Đồng Nai, Tp. Hồ Chí Minh, Tây Ninh, Đồng Tháp, Vĩnh Long, Tp. Cần Thơ, An Giang, Cà Mau.

Bảng 2: Các hiện tượng thời tiết nguy hiểm ở quy mô nhỏ tháng 12/2025

Hiện tượng	Khu vực	Thời gian
Lốc xoáy	phường Quảng Phú, Tp. Đà Nẵng	17/12/2025

Bảng 3: Nhiệt độ cao nhất tuyệt đối ngày trong tháng 12/2025 đạt và vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Nhiệt độ cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Nhiệt độ vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Lào Cai	30,5	2018	30,5	13/12/2025
2	Móng Cái (Quảng Ninh)	28,3	2018	28,6	15/12/2025
3	Tây Ninh	36,0	2012, 2023	36,5	27/12/2025

Bảng 4: Lượng mưa ngày (mm) cao nhất trong tháng 12/2025 vượt GTLS

STT	Trạm khí tượng (tỉnh/TP)	Lượng mưa cao nhất ngày trong tháng 12	Năm xuất hiện GTLS	Lượng mưa ngày vượt GTLS	Ngày xuất hiện
1	Mẫu Sơn (Lạng Sơn)	38,1	2012	46,1	13/12/2025
2	Móng Cái (Quảng Ninh)	28,6	2002	52,5	23/12/2025